| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2026/KDTM-ST
Ngày: 09 - 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Ông Nguyễn Thanh Cần.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Minh Trường, là ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Anh T, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 124/2025/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH N; địa chỉ: T đất số 1570, tờ bản đồ số 9, tổ B, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B Đại lộ B, tổ B, khu C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2025). Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: Số G, đường T, tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Giang Diệm L, sinh năm 1986, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH N trình bày:*

Công ty TNHH N (viết tắt là Công ty N) và Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty K) có thỏa thuận với nhau bằng miệng về việc mua bán hàng hòa là ngũ kim, ốc, vít. Thực hiện thỏa thuận bên bán Công ty N đã nhiều lần giao hàng hóa theo đúng yêu cầu của bên mua Công ty K và nhiều lần gửi Biên bản về việc thanh toán công nợ tiền mua hàng. Cụ thể Công ty N đã giao hàng và xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K, như sau: Hóa đơn số 76 ngày 31/10/2023 số tiền 91.821.648 đồng; hóa đơn số 93 ngày 31/11/2023 số tiền 55.020.218 đồng; hóa đơn số 111 ngày 29/12/2023 số tiền 43.069.105 đồng; hóa đơn số 19 ngày 31/01/2024 số tiền 5.964.370 đồng. Công ty K mới chỉ thanh toán cho Công ty N số tiền 49.989.000 đồng đối với hóa đơn số 76 ngày 31/10/2023. Do đó, tổng số tiền Công ty K còn nợ là 145.616.341 đồng. Đến nay, Công ty K không thanh toán tiền mua hàng đúng thời hạn là đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty N. Do đó, Công ty TNHH N khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết như sau: Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho Công ty TNHH N tổng số tiền tạm tính là: 151.050.111 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn một trăm mười một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là: 145.616.341 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/9/2025 đến ngày xét xử vụ án ngày 06/02/2026 với lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc chậm trả là 5.438.770 đồng.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố H1 phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, không tham gia tố tụng, không trình bày, cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu trả tiền và lãi suất theo  đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH K; địa chỉ: Số G, đường T, tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật  chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau, đều có mục đích lợi nhuận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH K không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với người đại điện hợp pháp của Công ty TNHH K để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH N và bị đơn Công ty TNHH K có mua bán hàng hóa với với nhau, nguyên đơn bên bán đã bán hàng cho bị đơn đơn bên mua và xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể: Hóa đơn số 76 ngày 31/10/2023 số tiền 91.821.648 đồng; hóa đơn số 93 ngày 31/11/2023 số tiền 55.020.218 đồng; hóa đơn số 111 ngày 29/12/2023 số tiền 43.069.105 đồng; hóa đơn số 19 ngày 31/01/2024 số tiền 5.964.370 đồng. Công ty K mới chỉ thanh toán cho Công ty N số tiền 49.989.000 đồng đối với hóa đơn số 76 ngày 31/10/2023. Do đó, tổng số tiền Công ty K còn nợ là 145.616.341 đồng.

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết là hợp đồng song vụ. Nguyên đơn bên bán đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn bên mua. Việc bị đơn mua hàng nhưng không thanh toán tiền đầy đủ và đúng thời gian đã thỏa thuận cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng hai bên ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là 145.616.341 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc chậm trả là 4.835.198.500 đồng với lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 25/9/2025 đến ngày xét xử vụ án ngày 09/02/2026 là 5.438.770 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi 10%/năm trên số tiền chậm trả là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng nên đã thi hành xong.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 40, 85, 86, 227, 228, 244, 266, 267, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;

- Các Điều 357, 430, 431, 434, 440 và 468 của Bộ luật sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

- Buộc Công ty TNHH K trả cho Công ty TNHH N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/02/2026 là: 151.050.111 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu không trăm năm mươi nghìn một trăm mười một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là: 145.616.341 đồng; tiền lãi chậm trả là: 5.438.770 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Công ty TNHH K phải chịu 7.552.500 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.761.270 đồng (Ba triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0029909 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Cảnh Khang**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Cảnh Khang**